

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30-7-2025

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Kim Hưng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Tăng Tài Thủ**.

2. Bà **Thái Ánh Trinh**.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Huỳnh Trung Hiếu** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà **Phạm Ngọc Chi** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 77/2025/TB-TA ngày 14 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông **Trương Đức L**, sinh năm 1976; Địa chỉ: Khu vực TB, phường TN, thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

2. **Bị đơn:** Bà **Trần Thị Kim H**, sinh năm 1977; Địa chỉ: Khu vực TB, phường TN, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trương Đức L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Kim H tiến đến hôn nhân vào năm 1996 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Thuận, huyện Thốt Nốt (cũ) theo số đăng ký 167/2006 ngày 23/6/2006. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn kéo dài do không còn hợp tính tình, cách làm ăn, không có tiếng nói chung, không còn tình thương yêu, tôn trọng lẫn nhau (ông không đồng ý việc

bà H gặp người đàn ông quen biết với bà H nhưng bà vẫn tiếp tục gặp). Nay ông kiên quyết yêu cầu ly hôn với bà H.

* Bị đơn bà Trần Thị Kim H trình bày: Về hôn nhân bà thống nhất ý kiến trình bày của ông L về thời gian tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Về nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do ông L đi nhậu không chăm lo gia đình, mà còn đánh đập bà mặc dù bà cũng có khuyên nhiều lần nhưng ông L không khắc phục được, còn việc ông L không đồng ý bà gặp người đàn ông do bà quen biết trong mối quan hệ làm ăn thì bà đã không còn gặp gỡ người này. Nay đúng là trong mối quan hệ hôn nhân bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nhưng vì con chung nên qua yêu cầu ly hôn của ông L bà không đồng ý nhằm để vợ chồng cùng chăm sóc con chung Trương Đức T.

Về con chung: Ông bà thống nhất xác định có 02 người con chung tên Trương Thị Như Q (giới tính: nữ), sinh ngày 22/11/1997 và Trương Đức T (giới tính: nam), sinh ngày 01/01/2008. Trường hợp ly hôn ông bà thống nhất giao con chung Trương Đức T cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Trương Thị Như Q đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông bà thống nhất xác định không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Về hôn nhân chấp nhận cho ông Trương Đức L được ly hôn với bà Trần Thị Kim H. Về con chung: giao con chung Trương Đức Tính cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung - Không giải quyết trong cùng vụ án, khi đương sự có yêu cầu sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn bà Trần Thị Kim H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà.

[2] *Về hôn nhân*: Xét ông Trương Đức L và bà Trần Thị Kim H tiến tới hôn nhân vào năm 1996 trên cơ sở tự nguyện; ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống ông bà thừa nhận có phát sinh mâu thuẫn, tuy về nguyên nhân mâu thuẫn theo sự nhìn

nhận riêng của mỗi người nhưng ông bà không tìm cách khắc phục. Xét vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng nay ông L xác định vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng lẫn nhau, không thể tiếp tục tình trạng hôn nhân, riêng bà H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh không thể khắc phục được, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nhưng vì con chung nên qua yêu cầu ly hôn của ông L bà không đồng ý. Từ đó cho thấy việc bà H không đồng ý ly hôn không phải vì tình yêu thương vợ chồng, vì vậy thấy rằng hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận cho ông Trương Đức L được ly hôn với bà Trần Thị Kim H.

[3] *Về con chung*: Ông L, bà H có hai con chung tên Trương Thị Như Q (giới tính: nữ), sinh ngày 22/11/1997 và Trương Đức T (giới tính: nam), sinh ngày 01/01/2008. Khi ly hôn ông L, bà H thống nhất giao con chung Trương Đức T cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con và cháu T có nguyện vọng được sống với ông L; Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung Trương Đức T cho ông L trực tiếp nuôi con, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Đối với con chung Trương Thị Như Q các đương sự xác định con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không có yêu cầu, vì vậy Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Bà H, ông L thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Bà H, ông L xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Ông L chịu toàn bộ án phí theo quy định.

[7] Xét đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên án:**

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Trương Đức L và bà Trần Thị Kim H.

2. Về con chung: Ông bà có hai con chung tên Trương Thị Như Q (giới tính: nữ), sinh ngày 22/11/1997 và Trương Đức T (giới tính: nam), sinh ngày 01/01/2008. Giao con chung Trương Đức T cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho bà H không ai được quyền cản trở. Ông L, bà H có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con vì L ích của con. Đối với con chung Trương Thị Như Q đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt vấn đề giải quyết.

- Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Ông Trương Đức L phải chịu tiền án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ theo biên lai thu tiền số 0002689 ngày 24/4/2025 được chuyển thành án phí.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4 – Cần Thơ;
- UBND phường Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Kim Hưng

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

**Tăng Tài Thủ Thái Ánh
Trình Hoàng Thị Kim Hưng**